

Trường Đại học Ngoại thương
Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

MÔN HỌC: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Giảng viên: Trần Thanh Phương
Email: phuong.tranthanh@ftu.edu.vn

CHƯƠNG 4: MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

4.1. Khái niệm về môi trường đầu tư và sự cần thiết nghiên cứu môi trường đầu tư

4.2. Các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư của một quốc gia

4.3. Nghiên cứu môi trường đầu tư của một số nước trong khu vực

4.4. So sánh môi trường đầu tư quốc tế của Việt Nam với môi trường đầu tư quốc tế của một số nước trong khu vực

Yêu cầu của chương

- Môi trường đầu tư là gì?
- Tại sao cần nghiên cứu môi trường đầu tư quốc tế?
- So sánh môi trường đầu tư của Việt Nam với các nước trong khu vực.
- Tác động của môi trường đầu tư đến thu hút đầu tư nước ngoài

4.1.1. Khái niệm môi trường đầu tư

Môi trường đầu tư là tổng hoà các yếu tố về pháp luật, kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội và các yếu tố cơ sở hạ tầng, năng lực thị trường, lợi thế của một quốc gia có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đầu tư vào quốc gia đó.

4.2. Các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư

- 4.2.1. Theo cách phân loại truyền thống
- 4.2.2. Theo cách phân loại của UNCTAD

Các yếu tố của môi trường đầu tư (cách chia truyền thống)

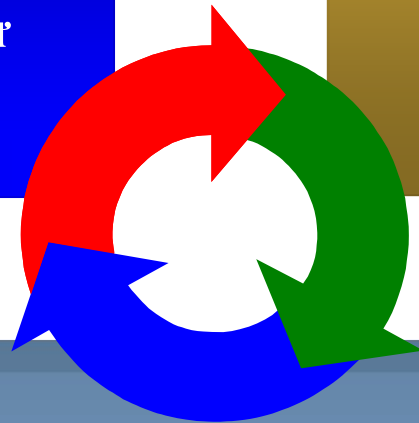
- *Môi trường đầu tư cứng*
- *Môi trường đầu tư mềm*
- *Môi trường chính trị xã hội*
- *Môi trường pháp lý và hành chính*
- *Môi trường kinh tế và tài nguyên*
- *Môi trường tài chính*
- *Môi trường cơ sở hạ tầng*
- *Môi trường lao động*
- *Môi trường quốc tế*

Các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư theo UNCTAD

**Khung chính sách về FDI
của nước nhận đầu tư**

**Các yếu tố của môi trường
kinh tế**

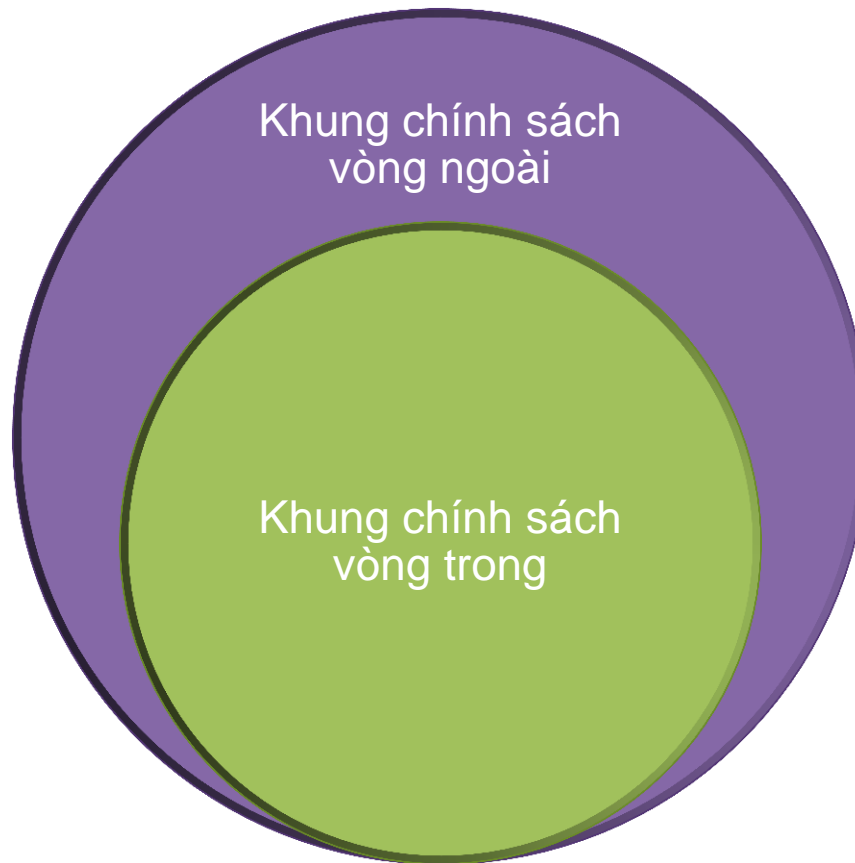
**Các yếu tố tạo thuận lợi
trong kinh doanh**



Khung chính sách



Khung chính sách quốc gia



Khung chính sách quốc gia



Khung chính sách quốc gia



Key: ▲ Risk has increased since 2007 ▼ Risk has decreased since 2007 ► Risk is unchanged since 2007

■ Very high risk ■ High risk ■ Moderate risk ■ Low risk

<u>Rank</u>	<u>Country</u>	<u>Underlying vulnerability</u>	<u>Economic distress</u>	<u>Index score</u>		<u>2007 score</u>
1	Zimbabwe	7.5	10.0	8.8	►	8.8
2	Chad	7.1	10.0	8.5	▲	7.5
3	Congo (Democratic Republic)	8.3	8.0	8.2	▲	7.2
4	Cambodia	7.9	8.0	8.0	▲	6.0
4	Sudan	7.9	8.0	8.0	▲	7.0
6	Iraq	8.8	7.0	7.9	►	7.9
7	Haiti	7.5	8.0	7.8	▲	6.8
7	Afghanistan	7.5	8.0	7.8	▲	6.8
7	Central African Republic	7.5	8.0	7.8	▲	5.8
7	Pakistan	7.5	8.0	7.8	▲	5.8
7	Cote d'Ivoire	7.5	8.0	7.8	►	7.8
7	Zambia	7.5	8.0	7.8	▲	6.8
13	North Korea	5.4	10.0	7.7	▲	3.7
14	Bolivia	8.3	7.0	7.7	▲	5.7
14	Ecuador	8.3	7.0	7.7	▲	6.7
16	Angola	6.3	9.0	7.6	▲	5.6
16	Dominican Republic	6.3	9.0	7.6	▲	5.6
16	Ukraine	6.3	9.0	7.6	▲	4.6
19	Kenya	7.1	8.0	7.5	▲	6.5
19	Moldova	7.1	8.0	7.5	▲	4.5
19	Senegal	7.1	8.0	7.5	▲	6.5
19	Bangladesh	7.1	8.0	7.5	▲	4.5
19	Nepal	7.1	8.0	7.5	▲	6.5
19	Niger	7.1	8.0	7.5	▲	5.5
19	Guinea	7.1	8.0	7.5	▲	6.5
19	Guinea Bissau	7.1	8.0	7.5	▲	6.5

Môi trường kinh tế

- **Định hướng thị trường**
- **Định hướng nguồn lực**
- **Định hướng hiệu quả**
- **Định hướng tài sản chiến lược**

Định hướng thị trường

- Quy mô thị trường và thu nhập bình quân/người;
- Tốc độ tăng trưởng của thị trường;
- Khả năng tiếp cận thị trường khu vực và thế giới;
- Thị hiếu riêng của người tiêu dùng;
- Cơ cấu thị trường.

Định hướng nguồn lực

- Tính sẵn có của nguyên vật liệu và tài nguyên thiên nhiên
- Chi phí nguyên vật liệu
- Tính sẵn có và chi phí của lao động tay nghề cao;
- Cơ sở hạ tầng tốt.

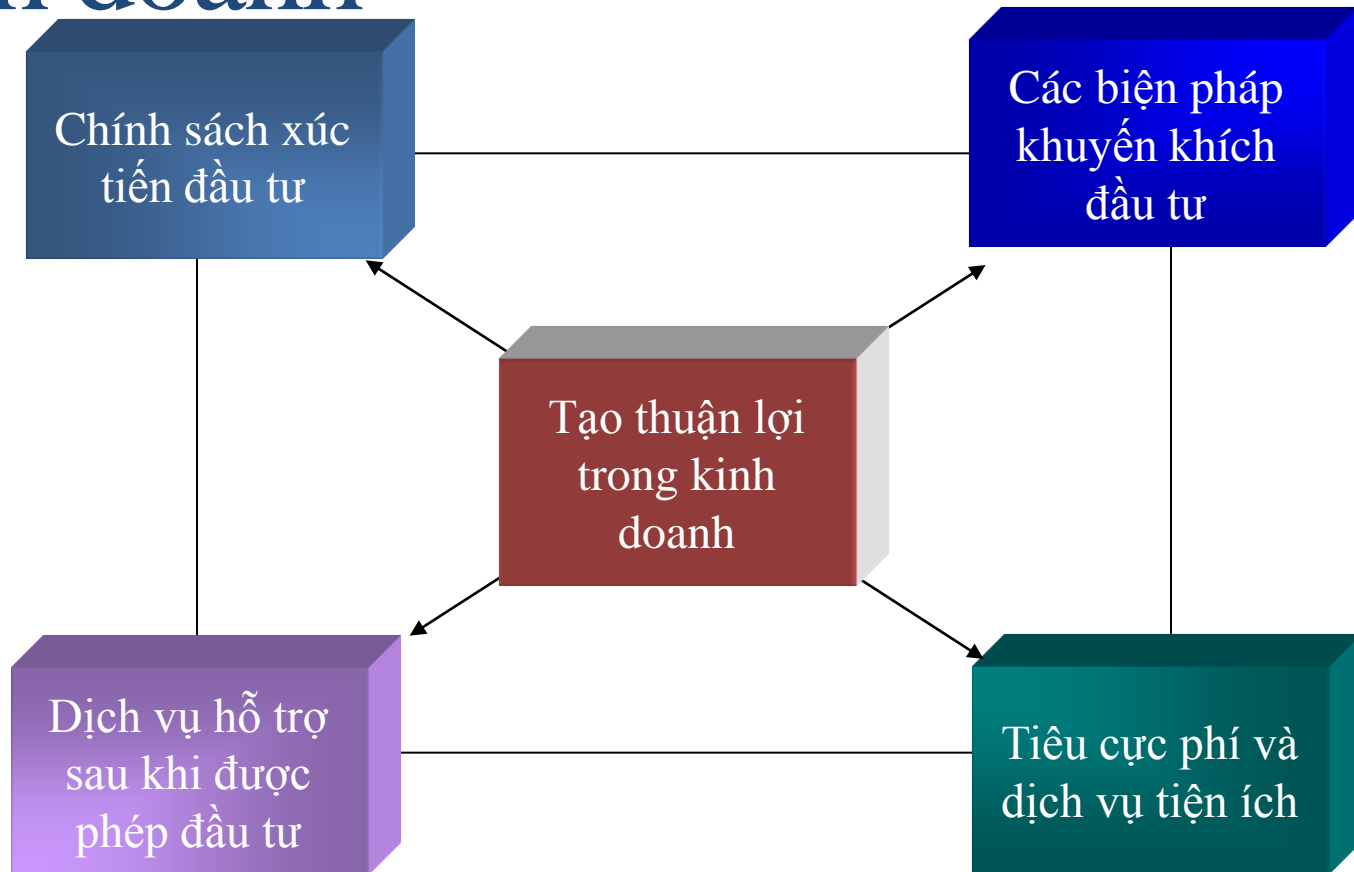
Định hướng hiệu quả

- Chi phí của các nguồn lực và lao động điều chỉnh theo năng suất
- Chi phí các yếu tố đầu vào khác (vận tải, thông tin liên lạc và các yếu tố trung gian khác,...);
- Hiệp định khu vực cho phép tiếp cận thị trường khu vực

Định hướng tài sản chiến lược

- Sự sẵn có của các tài sản riêng của công ty: năng lực công nghệ, đổi mới và marketing, thương hiệu

Các yếu tố tạo thuận lợi trong kinh doanh



4.3. Nghiên cứu môi trường đầu tư của một số nước Châu Á

Các chỉ số và báo cáo đánh giá

- GCI (Global Competitiveness Index): Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI- Global Competitiveness Index) do WEF xây dựng, công bố hàng năm nhằm đánh giá NLCT của các quốc gia.
- Doing Business Report (WB): Môi trường kinh doanh mà nhà đầu tư gặp phải khi làm ăn tại một nước được WB đánh giá theo 10 tiêu chí, từ lúc bắt đầu thành lập một doanh nghiệp cho đến khi giải thể doanh nghiệp. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo một số chỉ số và so sánh với các quốc gia khác để xếp hạng.
- PCI (Provincial Competitiveness Index): gồm 9 chỉ số thành phần: *Chi phí gia nhập thị trường; tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất; tính minh bạch và tiếp cận thông tin; chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước; chi phí không chính thức; tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh; dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; đào tạo lao động; thiết chế pháp lý.*

GCI – Chỉ số đánh giá NLCT quốc gia

WEF đánh giá NLCT của các quốc gia dựa theo 3 chỉ số thành phần, trong đó lại bao gồm 12 chỉ số thành phần nhánh.

- **Chỉ số thành phần thứ nhất (Các yếu tố căn bản):** Thể chế, Cơ sở hạ tầng, Môi trường kinh tế vĩ mô, Giáo dục cơ bản và chăm sóc y tế.
- **Chỉ số thành phần thứ hai (Các yếu tố cải thiện hiệu quả):** Đào tạo và giáo dục bậc cao, Tính hiệu quả của thị trường hàng hóa, Tính hiệu quả của thị trường lao động, Mức độ phát triển của thị trường tài chính, Mức độ sẵn sàng về công nghệ, Quy mô thị trường.
- **Chỉ số thành phần thứ ba (Các yếu tố về sáng tạo và phát triển):** Trình độ phát triển của doanh nghiệp và Mức độ sáng tạo.

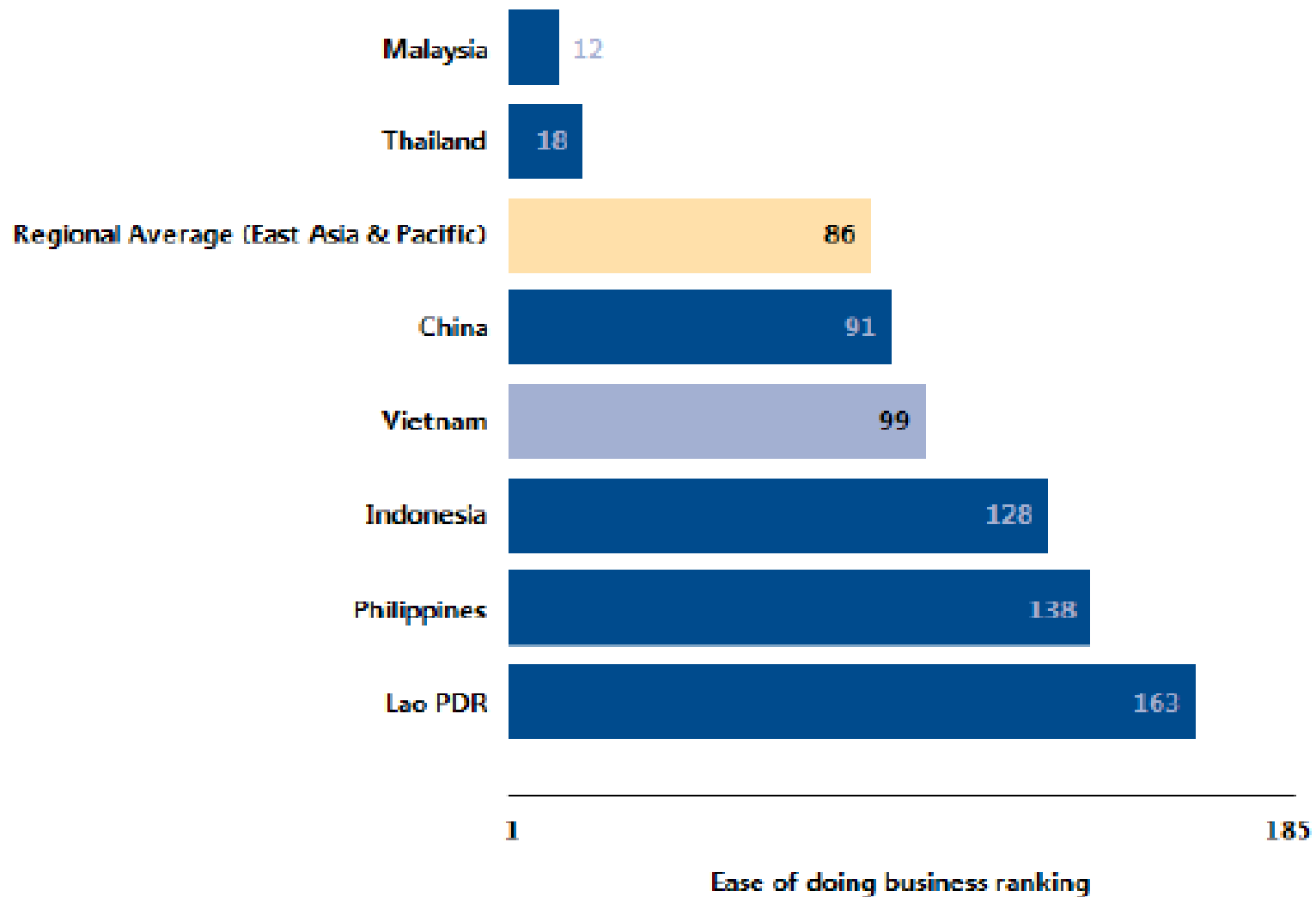
Bảng 1: Xếp hạng và điểm số GCI Việt Nam giai đoạn 2008 - 2012

Nội dung	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Điểm số Việt Nam (/tổng 7 điểm)	4.1	4	4.3	4.2	4.1	4.2
Thứ hạng (/tổng số quốc gia xếp hạng)	70/134	75/133	59/139	65/142	75/144	70/148
Tăng/Giảm (+/-)	-2	-5	16	-6	-10	5
KC so với đáy (vị trí cuối BXH)	64	58	80	77	69	78

Nguồn: [The Global Competitiveness Report 2012-2013 của WEF](#)

Doing business report

- Thành lập doanh nghiệp
- Cấp giấy phép
- Sử dụng điện
- Đăng ký tài sản
- Vay vốn
- Bảo vệ nhà đầu tư
- Đóng thuế
- Thương mại quốc tế
- Thực thi hợp đồng
- Giải thể doanh nghiệp



Source: Doing Business database.

Table 1.1 Summary of *Doing Business* indicators for Vietnam

Indicator	Vietnam DB 2013	Vietnam DB 2012	China DB 2013	Indonesia DB 2013	Lao PDR DB 2013	Malaysia DB 2013	Philippines DB 2013	Thailand DB 2013	Best performer globally DB 2013
Starting a Business (rank)	108	109	151	166	81	54	161	85	New Zealand (1)
Procedures (number)	10	10	13	9	6	3	16	4	New Zealand (1)*
Time (days)	34	38	33	47	92	6	36	29	New Zealand (1)
Cost (% of income per capita)	8.7	10.6	2.1	22.7	7.1	15.1	18.1	6.7	Slovenia (0.0)
Paid-in Min. Capital (% of income per capita)	0.0	0.0	85.7	42.0	0.0	0.0	4.8	0.0	91 Economies (0.0)*
Dealing with Construction Permits (rank)	28	27	181	75	87	96	100	16	Hong Kong SAR, China (1)
Procedures (number)	11	11	28	13	23	37	29	8	Hong Kong SAR, China (6)*
Time (days)	110	110	270	158	108	140	84	157	Singapore (26)
Cost (% of income per capita)	67.3	88.3	375.3	95.0	48.6	17.5	103.0	9.2	Qatar (1.1)

Indicator	Vietnam DB 2013	Vietnam DB 2012	China DB 2013	Indonesia DB 2013	Lao PDR DB 2013	Malaysia DB 2013	Philippines DB 2013	Thailand DB 2013	Best performer globally DB 2013
Getting Electricity (rank)	155	157	114	147	138	28	57	10	Iceland (1)
Procedures (number)	6	6	5	6	5	5	5	4	Germany (3)*
Time (days)	115	115	145	108	134	46	50	35	Germany (17)
Cost (% of income per capita)	1,988.3	2,609.3	547.0	1,243.8	2,130.5	53.9	833.3	75.3	Japan (0.0)
Registering Property (rank)	48	48	44	98	74	33	122	26	Georgia (1)
Procedures (number)	4	4	4	6	5	5	8	2	Georgia (1)*
Time (days)	57	57	29	22	98	14	39	2	Portugal (1)
Cost (% of property value)	0.6	0.6	3.6	10.8	1.1	3.3	4.8	6.3	Belarus (0.0)*
Getting Credit (rank)	40	38	70	129	167	1	129	70	United Kingdom (1)*
Strength of legal rights index (0-10)	8	8	6	3	4	10	4	5	Malaysia (10)*
Depth of credit information index (0-6)	4	4	4	4	0	6	3	5	United Kingdom (6)*
Public registry coverage (% of adults)	37.8	29.8	27.7	36.0	0.0	56.1	0.0	0.0	Portugal (90.7)
Private bureau coverage (% of adults)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	81.8	9.0	44.1	United Kingdom (100.0)*

Indicator	Vietnam DB 2013	Vietnam DB 2012	China DB 2013	Indonesia DB 2013	Lao PDR DB 2013	Malaysia DB 2013	Philippines DB 2013	Thailand DB 2013	Best performer globally DB 2013
Protecting Investors (rank)	169	167	100	49	184	4	128	13	New Zealand (1)
Extent of disclosure	6	6	10	10	2	10	2	10	Hong Kong SAR,
Extent of director liability index (0-10)	1	1	1	5	1	9	3	7	Singapore (9)*
Ease of shareholder suits index (0-10)	2	2	4	3	2	7	8	6	New Zealand (10)*
Strength of investor protection index (0-10)	3.0	3.0	5.0	6.0	1.7	8.7	4.3	7.7	New Zealand (9.7)
Paying Taxes (rank)	138	153	122	131	126	15	143	96	United Arab Emirates (1)
Payments (number per year)	32	32	7	51	34	13	47	22	Hong Kong SAR, China (3)*
Time (hours per year)	872	941	338	259	362	133	193	264	United Arab Emirates (12)
Trading Across Borders (rank)	74	74	68	37	160	11	53	20	Singapore (1)
Documents to export (number)	6	6	8	4	10	5	7	5	France (2)
Time to export (days)	21	22	21	17	26	11	15	14	Singapore (5)*
Cost to export (US\$ per container)	610	580	580	644	2,140	435	585	585	Malaysia (435)
Documents to import (number)	8	8	5	7	10	6	8	5	France (2)
Time to import (days)	21	21	24	23	26	8	14	13	Singapore (4)
Cost to import (US\$ per container)	600	670	615	660	2,125	420	660	750	Malaysia (420)

Indicator	Vietnam DB2013	Vietnam DB2012	China DB2013	Indonesia DB2013	Lao PDR DB2013	Malaysia DB2013	Philippines DB2013	Thailand DB2013	Best performer globally DB2013
Enforcing Contracts (rank)	44	41	19	144	114	33	111	23	Luxembourg (1)
Time (days)	400	400	406	498	443	425	842	440	Singapore (150)
Cost (% of claim)	29.0	28.5	11.1	139.4	31.6	27.5	26.0	15.0	Bhutan (0.1)
Procedures (number)	34	34	37	40	42	29	37	36	Ireland (21)*
Resolving Insolvency (rank)	149	145	82	148	185	49	165	58	Japan (1)
Time (years)	5.0	5.0	1.7	5.5	no practice	1.5	5.7	2.7	Ireland (0.4)
Cost (% of estate)	15	15	22	18	no practice	15	38	36	Singapore (1)*
Outcome (0 as piecemeal sale and 1 as going concern)	0		0	0	no practice	0	0	1	
Recovery rate (cents on the dollar)	13.9	16.5	35.7	14.2	0.0	44.7	4.9	42.4	Japan (92.8)

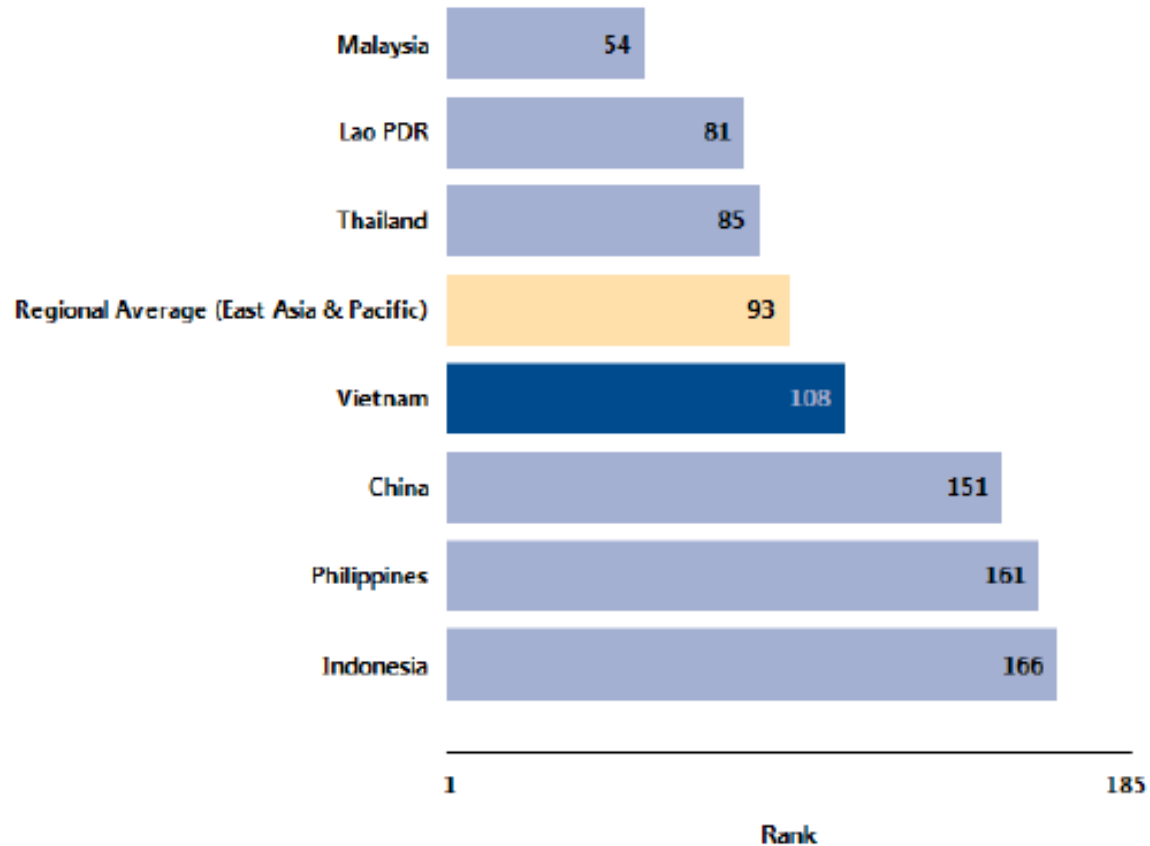
Thành lập doanh nghiệp

Indicator	DB2004	DB2005	DB2006	DB2007	DB2008	DB2009	DB2010	DB2011	DB2012	DB2013
Rank	109	108
Procedures (number)	12	11	11	11	11	11	11	10	10	10
Time (days)	59	51	45	45	39	39	39	38	38	34
Cost (% of income per capita)	31.9	30.6	27.6	24.3	20.0	16.8	13.3	12.1	10.6	8.7
Paid-in Min. Capital (% of income per capita)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

Note: n.a. = not applicable (the economy was not included in *Doing Business* for that year). DB2012 rankings shown are not last year's published rankings but comparable rankings for DB2012 that capture the effects of such factors as data corrections and the addition of 2 economies (Barbados and Malta) to the sample this year.

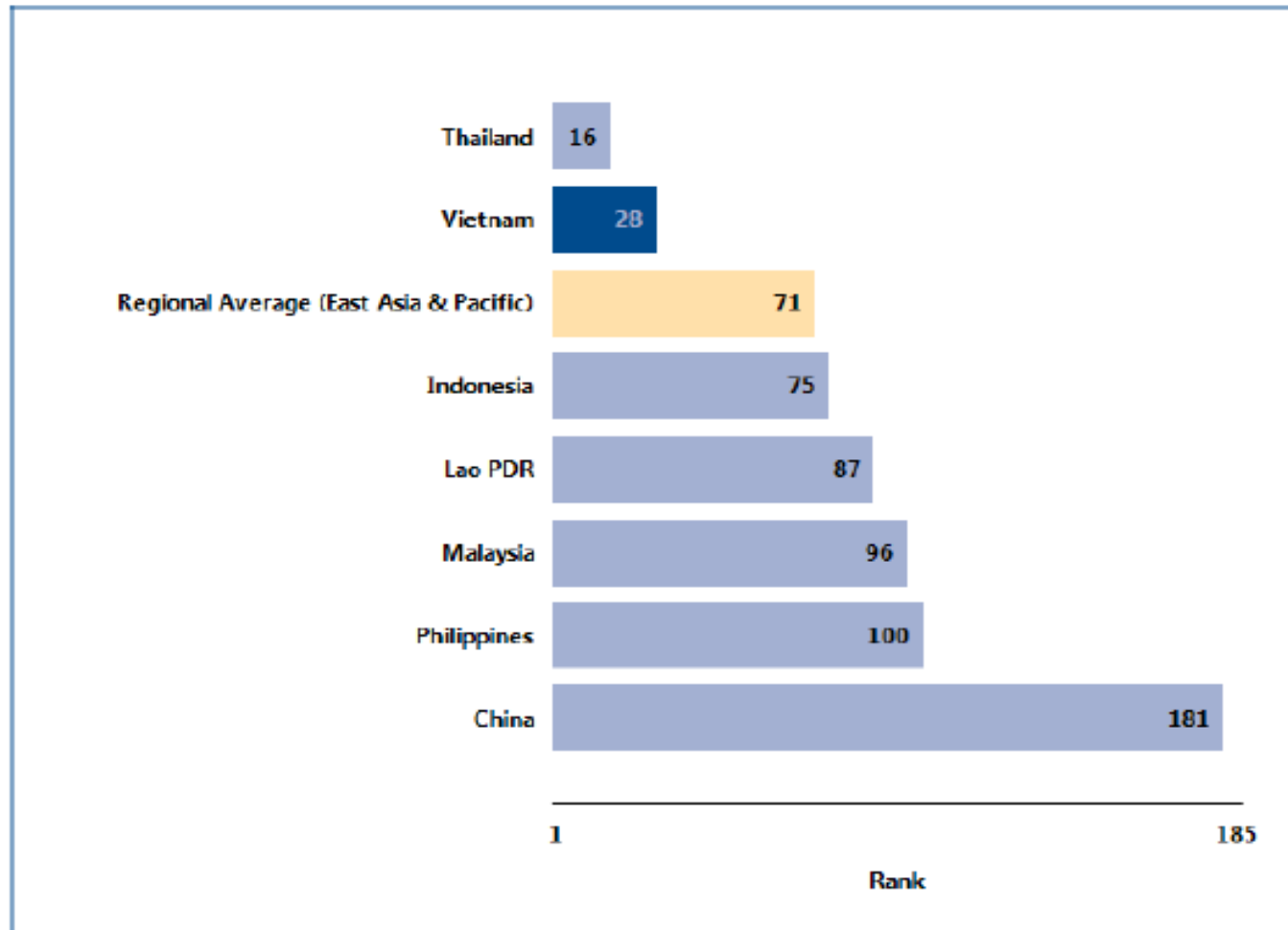
Source: *Doing Business* database.

Thành lập doanh nghiệp



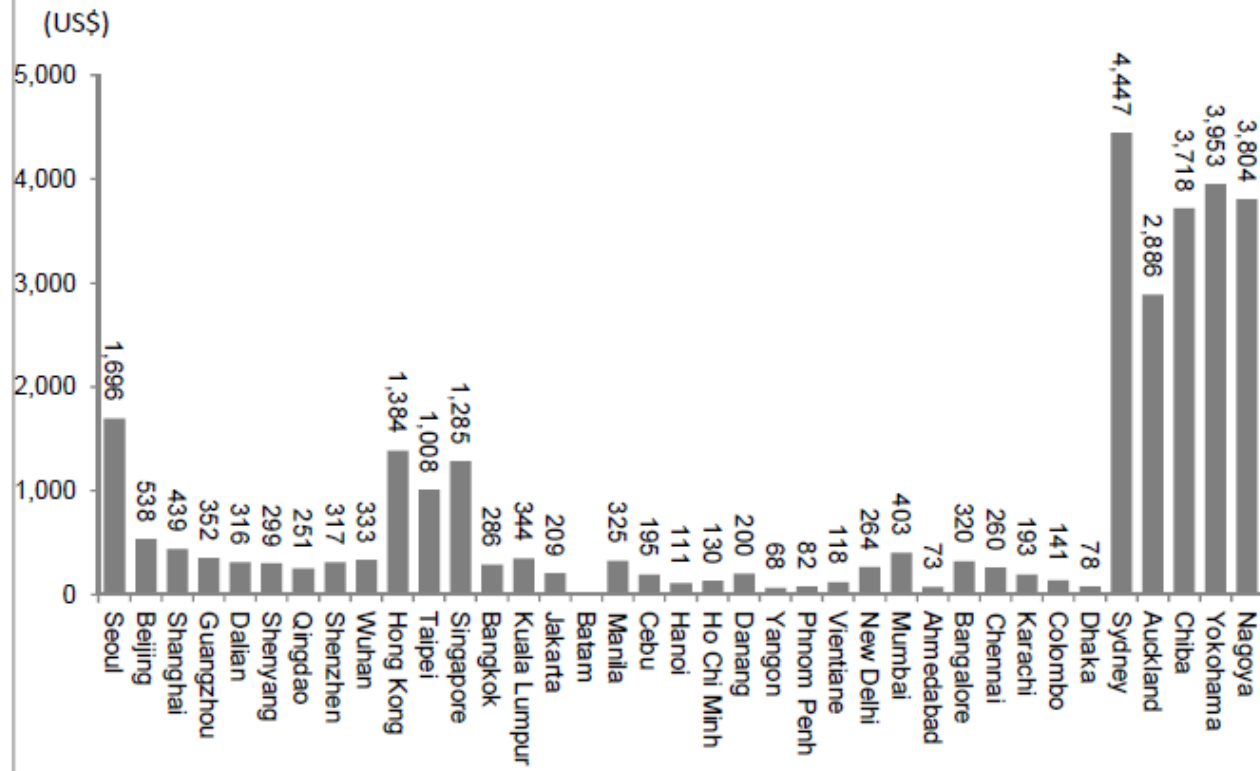
Cấp giấy phép

Figure 3.2 How Vietnam and comparator economies rank on the ease of dealing with construction permits

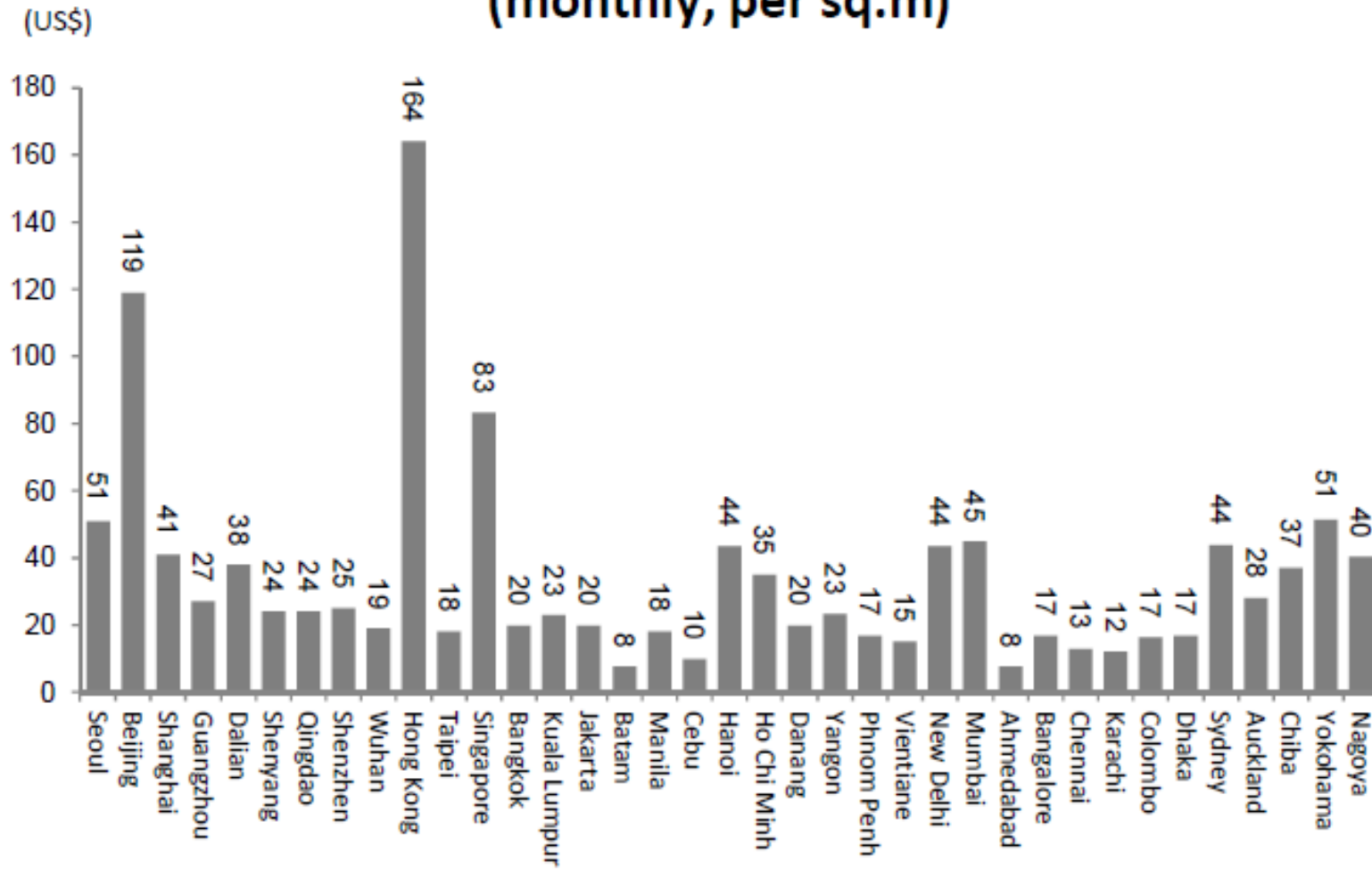


Source: Doing Business database.

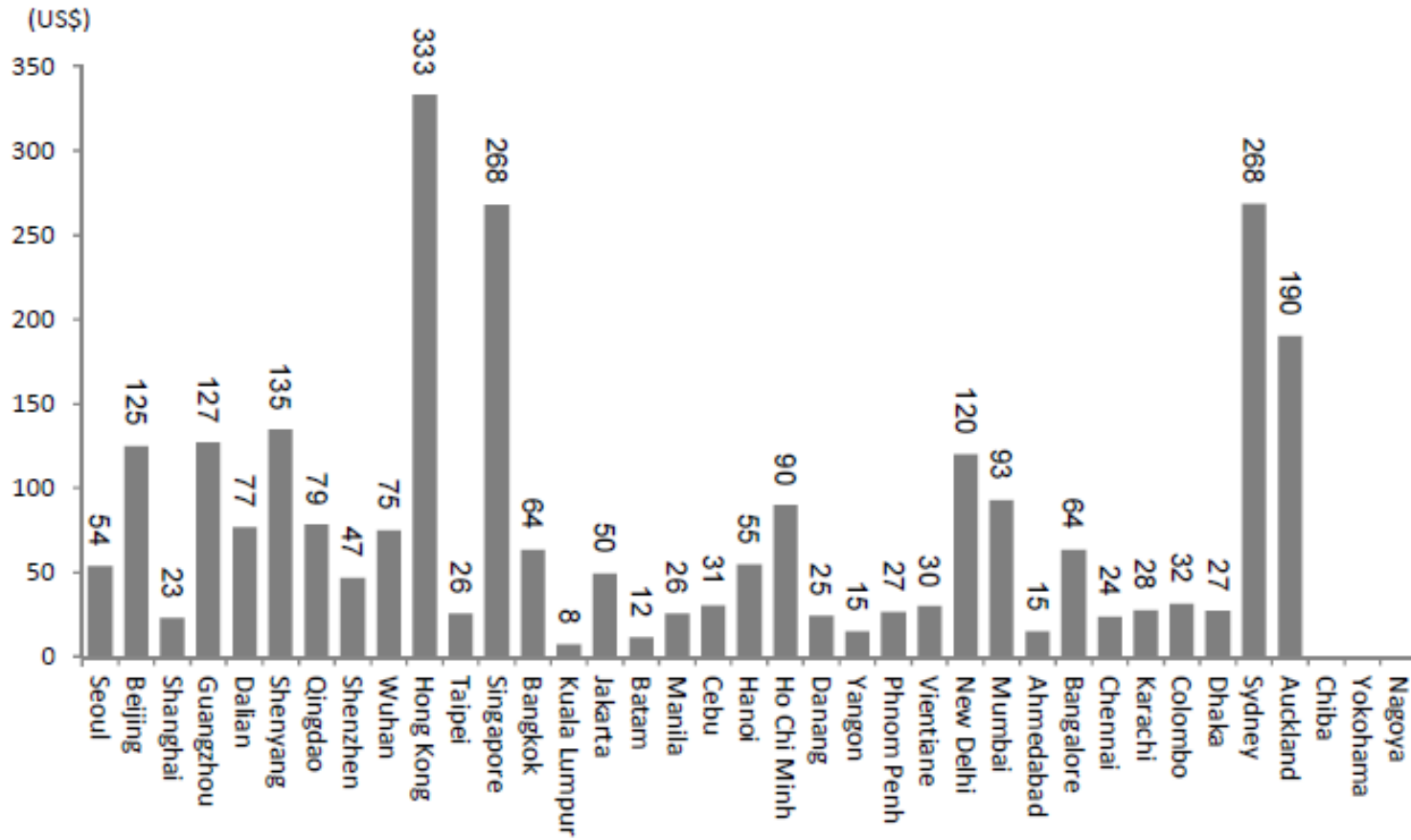
Worker's monthly base salary (Factory worker)



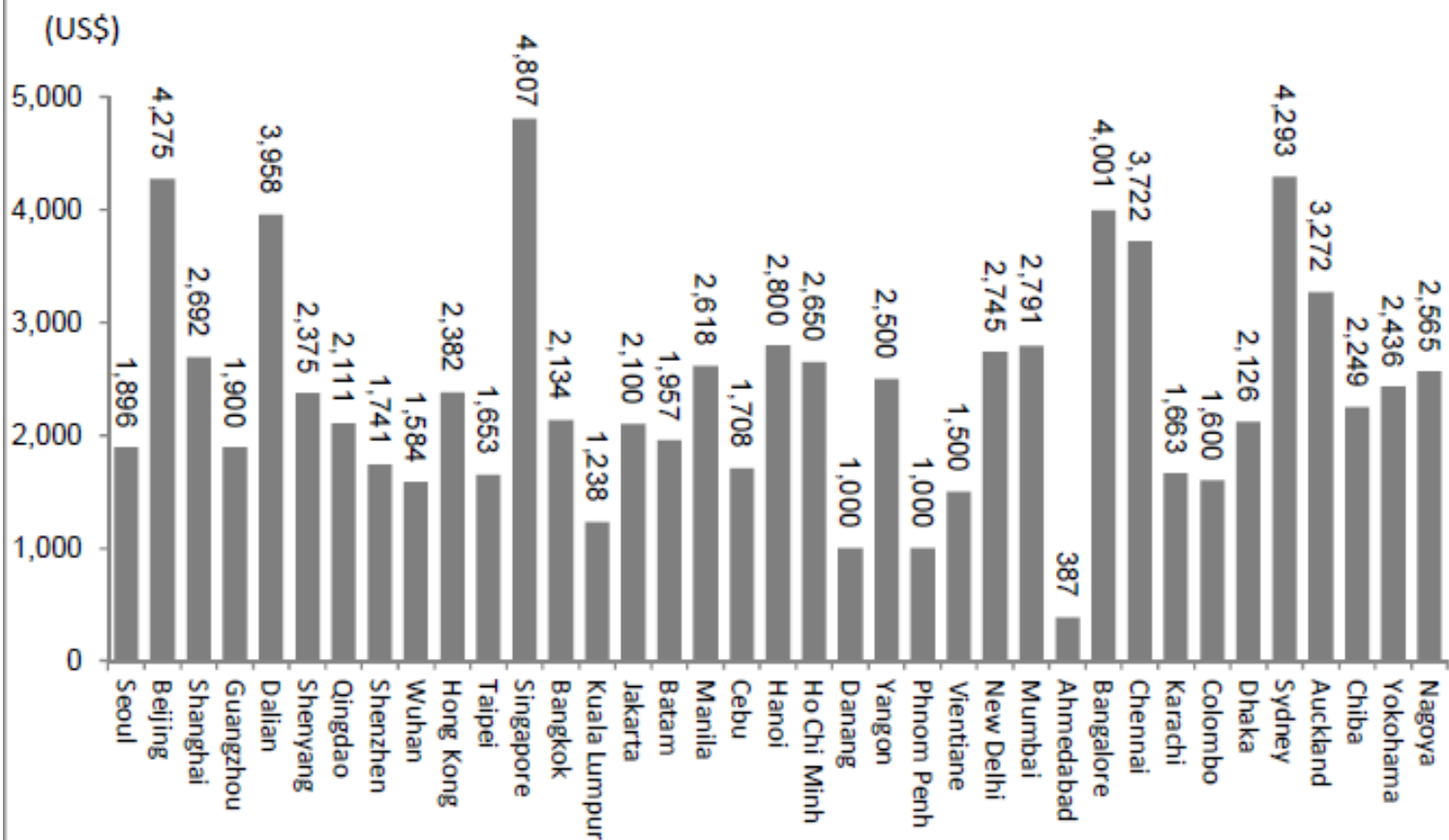
Office rent (monthly, per sq.m)



Store/showroom rent in the city center (monthly, per sq.m)



Housing rent for resident agent (monthly)



Mobile phone basic charge (per min.)

